

BÀN VỀ CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH MỚI

NGUYỄN THỊ THU HẰNG*

Ngày nhận bài: 02/02/2017; ngày sửa chữa: 06/02/2017; ngày duyệt đăng: 07/02/2017.

Abstract: Building graduation standards for higher education is required to develop high quality human resource and meet requirements of education reform in current period. The article mentions graduation standards for students majoring in education management at universities. Also, the article proposes measures to improve training quality of education management major at higher education under graduation requirements.

Keywords: Management education major, graduation standards, students, higher education.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học nước ta đang chuyển mình theo hướng hội nhập trên tinh thần chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất chính trị người học. Học đi đôi với hành; lí luận gắn với thực tiễn, chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó đổi mới cơ chế quản lý giáo dục (QLGD), phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ QLGD là khâu then chốt [1]. Yêu cầu đổi mới tư duy và cơ chế quản lý đặt ra cho các cơ sở đào tạo (CSĐT) đại học đặc biệt là CSĐT nhân lực QLGD phải thay đổi phương thức đào tạo để cung cấp cho xã hội nguồn lao động chất lượng cao “được chuẩn hóa đảm bảo chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt là nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất lối sống, lương tâm, tay nghề... đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước” [1]. Đào tạo nhân lực QLGD chất lượng cao ở Việt Nam là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay, trong đó đào tạo cử nhân QLGD trình độ đại học là con đường khoa học nhất để hình thành tri thức và năng lực nghề nghiệp cần thiết đối với nhân lực quản lý có chất lượng cho hệ thống giáo dục quốc dân.

Để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên (SV) ngành QLGD, các CSĐT cần thiết phải xác định đúng chuẩn đầu ra (CĐR) của ngành học đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp trong bối cảnh mới; từ đó đảm bảo các điều kiện thực hiện hoạt động đào tạo theo CĐR, chuẩn nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra ngành QLGD trình độ đại học

2.1. Khái niệm chuẩn đầu ra

Đến nay có rất nhiều quan niệm khác nhau về CĐR (Learning Outcomes) tùy thuộc vào góc độ tiếp

cận của các nhà nghiên cứu: CĐR là sự cụ thể hóa những hành vi mới của SV sẽ có sau khi trải nghiệm học tập; bao hàm kiến thức, những kĩ năng (KN) và thái độ mà SV thu nhận được thông qua các khóa học; được bắt đầu bằng các động từ hành động và mô tả những hành động quan sát được hoặc đo được [2].

Theo Jenkins và Unwin: CĐR là sự khẳng định của những điều kì vọng kì vọng, mong muốn một người tốt nghiệp có khả năng làm được nhờ kết quả của quá trình đào tạo [3]. Kendall (1994) đã chỉ ra 3 đặc trưng phân biệt của CĐR, bao gồm: 1) Hoạt động chuyên môn của người học phải quan sát được; 2) Hoạt động chuyên môn của người học phải đo được; 3) Hoạt động chuyên môn phải được người học thực hiện [2; tr 40].

Như vậy, CĐR là tuyên bố rõ ràng về cái mà người học được mong đợi sẽ đạt được, lời cam kết của nhà trường đối với xã hội về những kiến thức, KN, thái độ hành vi của SV, qua đó khẳng định những năng lực lao động cụ thể mà SV sẽ thực hiện được sau khi được đào tạo tại nhà trường. CĐR được xây dựng dựa trên năng lực thực hiện của người học theo vị trí việc làm ngành học sau tốt nghiệp. Nó trả lời câu hỏi: Ai phải thực hiện CĐR? Phải thực hiện những gì? Những kết quả phải có được từ hoạt động của họ?

Đào tạo và quản lý đào tạo theo CĐR có ý nghĩa quan trọng đối với nhà trường trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn GD-ĐT hiện nay: Nó xác định được loại và chiều sâu của việc học mà SV được trông đợi hoàn thành; Giúp cho việc đánh giá xây dựng, đánh giá tổng thể, đánh giá học tập ưu tiên; Làm rõ mong đợi đối với người học; Giúp nhà tuyển dụng thấy được

* Trường Đại học Vinh

KN của SV tốt nghiệp; Xác định các đơn vị học tập cần phải cung cấp; Hướng dẫn và tổ chức cho cả người dạy và người học. Mô hình đào tạo dựa trên CĐR đòi hỏi cơ sở giáo dục đại học chứng minh SV tốt nghiệp đạt được đầy đủ các CĐR yêu cầu. Điều này yêu cầu tất cả các quyết định về chương trình đào tạo, hoạt động dạy và học tập và đánh giá phải được thực hiện trên cơ sở đáp ứng các CĐR liên quan [4; tr 38].

2.2. Đặc trưng hoạt động nghề nghiệp của cử nhân QLGD và chuẩn đầu ra ngành học

2.2.1. *Đặc trưng hoạt động nghề nghiệp của cử nhân QLGD.* Hoạt động nghề nghiệp SV ngành QLGD là một dạng hoạt động chuyên biệt của lao động quản lý (LĐQL).

- *Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ:* LĐQL được phân thành ba dạng: - LĐQL thực hiện chức năng lãnh đạo; - Lao động đảm nhận các chức năng chuyên gia; - Lao động đảm nhận các chức năng nhân viên nghiệp vụ, kỹ thuật.

- *Căn cứ vào phạm vi bao quát của chức năng,* LĐQL được phân thành 3 dạng: - LĐQL tổng hợp; - LĐQL chức năng; - Lao động tác nghiệp cụ thể.

- *Căn cứ vào nội dung các chức năng chuyên môn,* LĐQL được phân thành các dạng cụ thể: Lao động đảm nhiệm công tác kế hoạch, Lao động đảm nhiệm công tác tài chính, Lao động đảm nhiệm công tác quản lý nhân sự, Lao động đảm nhiệm công tác quản lý kinh doanh, Lao động đảm nhiệm công tác xây dựng cơ bản, Lao động đảm nhiệm công tác quản lý khoa học - công nghệ.

Lao động của cử nhân QLGD là dạng *lao động đảm nhận chức năng nhân viên nghiệp vụ, kỹ thuật hay lao động tác nghiệp cụ thể.* Thông thường, để có một vị trí công tác nào đó (lãnh đạo) liên quan đến lĩnh vực QLGD đòi hỏi cán bộ phải có kinh nghiệm thực tiễn. Có thể nói trước đây, xã hội chưa quen với một nhóm SV được tốt nghiệp từ chuyên ngành ra và đảm nhận công tác quản lý nhưng trong bối cảnh thế giới hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, cũng như cuộc cách mạng về công nghệ thông tin và truyền thông đã tạo ra những thay đổi vượt bậc trong mọi mặt của xã hội, cách nghĩ này đã thay đổi. Ngày nay, quản lý được xem là một nghề và có thể đi học nghề để tham gia quản lý [5]. Vì thế, một trong những mục tiêu đầu ra của chương trình đào tạo ngành QLGD trình độ đại học ở Việt Nam là đào tạo người học trở thành chuyên viên hành chính giáo dục, tức là các chuyên viên làm quản lý hành chính trong các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục hoặc các chuyên viên hành chính trong các cơ sở giáo dục. Đây là căn

cứ để các CSĐT xây dựng CĐR, xác định khung năng lực và các KN nghề cần rèn luyện cho SV trong quá trình đào tạo phù hợp với những đòi hỏi của công việc thực tiễn, góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong xã hội về một ngành nghề mới.

2.2.2. *CĐR chương trình đào tạo ngành QLGD trình độ đại học.* Xuất phát từ đặc trưng hoạt động nghề nghiệp, bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT theo tiếp cận năng lực, theo chúng tôi CĐR chương trình đào tạo và khung năng lực nghề nghiệp ngành QLGD trình độ đại học có thể xác định:

2.2.2.1. *Mục tiêu tổng quát.* SV tốt nghiệp ngành QLGD có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, nhân văn; có kiến thức chuyên sâu về khoa học QLGD; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục trong bối cảnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế.

2.2.2.2. *Mục tiêu cụ thể.* SV tốt nghiệp chương trình QLGD có kiến thức, KN và năng lực:

1. Kiến thức và lập luận ngành QLGD

1.1. Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, nhân văn

1.2. Có kiến thức cơ bản về tâm lý học quản lý và giáo dục học

1.3. Có kiến thức cơ bản về khoa học QLGD

2. Các KN nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân

2.1. Có KN lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong QLGD

2.2. Có năng lực khám phá tri thức về khoa học QLGD

2.3. Có thái độ, tư tưởng đúng đắn trong hoạt động nghề nghiệp

2.4. Có ý thức tự học và giáo dục suốt đời

2.5. Có cách hành xử đạo đức, công bằng, trách nhiệm trong công việc và xã hội

3. Có KN giao tiếp và làm việc nhóm

3.1. Có KN giao tiếp hiệu quả

3.2. Có KN giao tiếp bằng ngoại ngữ

3.3. Có KN làm việc nhóm

4. Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục

4.1. Nhận thức được bối cảnh xã hội và giáo dục

4.2. Nhận thức được bối cảnh của hoạt động QLGD

4.3. Có năng lực hình thành ý tưởng cho hoạt động QLGD

4.4. Có năng lực thiết kế các hoạt động QLGD

4.5. Có năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động QLGD

4.6. Có năng lực đánh giá các hoạt động QLGD

TT	Chủ đề năng lực
1.	Năng lực chung
1.1	Năng lực giao tiếp
1.2	Năng lực làm việc nhóm
1.3	Năng lực tự học
1.4	Năng lực nghiên cứu và khám phá kiến thức khoa học xã hội
1.5	Năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề
1.6	Năng lực tư duy hệ thống và dự báo
1.7	Năng lực khai thác, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông
1.8	Năng lực sử dụng ngoại ngữ
1.9	Năng lực thích ứng với hoàn cảnh thực tế
1.10	Năng lực đánh giá, phân biệt xã hội
2.	Năng lực nghề nghiệp
2.1	Phân tích bối cảnh xã hội và giáo dục
2.2	Xây dựng và quản lý môi trường giáo dục
2.3	Quản lý hành chính trong lĩnh vực giáo dục
2.4	Tham mưu, đề xuất, xây dựng các chính sách trong giáo dục, đào tạo
2.5	Tham gia quản lý phát triển chương trình giáo dục
2.6	Tham gia quản lý tài chính, tài sản, thiết bị giáo dục
2.7	Thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra, đánh giá trong lĩnh vực giáo dục
2.8	Tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ
3.	Năng lực hành vi
3.1	Khả năng độc lập, tự tin trong môi trường nghề nghiệp
3.2	Năng lực tư duy hệ thống và giải quyết vấn đề
3.3	Năng lực tự đánh giá bản thân
3.4	Chủ động, sáng tạo, thích ứng với yêu cầu và môi trường nghề nghiệp
3.5	Ứng xử linh hoạt trong các tình huống nghề nghiệp
3.6	Nắm vững các nguyên tắc và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp
3.7	Năng lực phát triển nghề nghiệp
3.8	Nắm vững các văn bản luật và quy định đối với ngành giáo dục
3.9	Vận dụng kinh nghiệm quốc tế về kinh tế, xã hội và giáo dục vào thực tiễn QLGD
3.10	Năng lực làm việc hiệu quả trong tổ chức và các nền văn hóa khác nhau

2.2.2.3. Khung năng lực

3. Đề xuất biện pháp quản lý đào tạo ngành QLGD trình độ đại học đáp ứng yêu cầu CĐR trong bối cảnh mới

Để thực hiện hiệu quả đào tạo ngành QLGD trình độ đại học theo tiếp cận CĐR, chúng tôi đề xuất một số biện pháp sau:

3.1. Nâng cao nhận thức cho các thành viên trong nhà trường về tầm quan trọng của hoạt động đào tạo ngành QLGD trình độ đại học theo tiếp cận CĐR. Hình thành nhận thức đúng cho các thành viên CSĐT về đào tạo theo CĐR là việc làm có ý nghĩa quan trọng. Các thành viên cần nhận thức rằng nếu thực hiện có hiệu quả hoạt động đào tạo theo CĐR sẽ mang lại lợi ích cho ngành học và đơn vị sử dụng lao động, đồng thời điều này cũng thể hiện trách nhiệm của CSĐT với xã hội thông qua nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu việc làm hiện nay. Chỉ khi nào các thành viên trong

nhà trường xác định đào tạo theo CĐR là nhu cầu tự thân, thiết thực thì lúc đó hoạt động mới thực sự bền vững, đi vào chiều sâu, có kết quả cao.

3.2. Tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo ngành QLGD trình độ đại học tiếp cận CĐR theo quy trình chặt chẽ, thống nhất. Xây dựng CĐR chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu mới là hoạt động thiết yếu đầu tiên của quá trình đào tạo ngành QLGD trình độ đại học theo tiếp cận CĐR. Để hiện thực hóa CĐR, các CSĐT cần tổ chức thực hiện tốt các khâu trong quy trình đào tạo, trong đó xây dựng chương trình theo CĐR là việc làm quan trọng. Khi xây dựng chương trình, cần chú trọng bổ sung, cải tiến các học phần nghiệp vụ quản lý theo hướng tăng cường các học phần hình thành năng lực thực hành nghề cho SV.

3.3. Tổ chức hoạt động rèn luyện KN nghề nghiệp (thực hành - thực tập) cho SV ngành QLGD theo tiếp cận CĐR. Hoạt động rèn luyện KN nghề nghiệp của SV ngành QLGD nhằm mục đích củng cố kiến thức lý thuyết cơ bản về khoa học QLGD, quản lý nhà trường và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục; hình thành, rèn luyện nhóm năng lực chung, KN nghề nghiệp, năng lực hành vi; giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn QLGD; bồi dưỡng thái độ với nghề nghiệp và tác phong quản lý. Để hoạt động này đạt được CĐR xác định, các CSĐT cần đổi mới quản lý hoạt động thực hành - thực tập cho SV bắt đầu từ việc xây dựng kế hoạch thực hành - thực tập theo tiếp cận CĐR (xác định mục tiêu, nội dung thực hành - thực tập theo CĐR), tổ chức thực hiện hoạt động thực hành - thực tập theo mô hình tiếp cận năng lực thực hiện cho SV, xây dựng tiêu chí đánh giá hoạt động thực hành - thực tập của SV theo tiếp cận CĐR...

3.4. Đảm bảo các điều kiện về môi trường, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo ngành QLGD trình độ đại học theo tiếp cận CĐR. Ngoài các hoạt động đảm bảo trang thiết bị, tài liệu phục vụ học tập của SV ngành QLGD theo tiếp cận CĐR, hoạt động phối hợp giữa CSĐT và cơ sở thực hành trong rèn luyện KN nghề cho SV là

(Xem tiếp trang 41)

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

(Theo Thanh Tịnh. **Tiếng Việt 3**, tập 1, tr 51)

Bài văn “Nhớ lại buổi đầu đi học” ghi lại những cảm tưởng đầy xúc động về ngày đầu tiên đến trường của một chú bé. Trong bài văn, đã sử dụng rất nhiều từ láy: *bàng bạc, rụt rè, âu yếm, mơn man, tung bồng, rộn rã* để diễn tả tâm trạng náo nức pha chút lo âu của cậu bé. Với đề bài này, HS thấy được giá trị diễn tả và lập luận của các từ láy. Từ đó, có thể học tập vận dụng vào bài Tập làm văn của mình.

Ngoài ra, có thể sử dụng những bài tập dạng yêu cầu tạo lập văn bản.

Chẳng hạn, *em hãy lựa chọn các từ chỉ màu xanh để viết một đoạn văn tả khu vườn vào một buổi sáng mùa xuân.*

Hoặc: *Cánh đồng lúa chín, trưa hè, thật rực rỡ. Em hãy lựa chọn những từ gọi tả màu vàng và viết một đoạn văn ngắn tả lại không gian rực rỡ này.*

Từ các ví dụ trên, ta thấy, để giúp HS biết khai thác sử dụng các từ ngữ biểu cảm làm công cụ định hướng lập luận trong MT, GV có thể tổ chức cho các em thao tác trên bài tập sử dụng từ ngữ biểu cảm. Hệ thống bài tập này có thể được xây dựng và sử dụng trên giờ Mở rộng vốn từ, Tập đọc, Tập làm văn.

3. Kết luận

Theo ngữ dụng học, bên cạnh các hư từ (*tác tử, kết tử*), thực từ là *dấu hiệu giá trị học*, có vai trò quan trọng trong việc định hướng lập luận cho văn bản, thuyết phục người đọc đi đến những kết luận mà người viết mong muốn. Bài viết vận dụng nghiên cứu của ngữ dụng học về phương tiện định hướng lập luận này vào việc xây dựng các biện pháp rèn luyện kỹ năng viết VMT cho HS lớp 4,5 nhằm giải quyết những khó khăn của HS trong quá trình tìm ý, sắp xếp ý, lựa chọn từ ngữ biểu đạt, thể hiện cảm xúc khi viết, duy trì cảm xúc chủ đạo của bài văn. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Duy Anh (2008). *Hán Việt từ điển giản yếu*. NXB Khoa học xã hội.
- [2] Hoàng Phê (2012). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Từ điển Bách khoa.
- [3] Nguyễn Trí (1999). *Dạy học Tập làm văn ở tiểu học*. NXB Giáo dục.
- [4] Đỗ Hữu Châu (2002). *Đại cương ngôn ngữ học* (tập 2), *Ngữ dụng học*. NXB Giáo dục.
- [5] Chu Thị Thủy An - Hồ Thanh Yến (2011). *Một số biện pháp rèn luyện kỹ năng lập luận trong làm văn*

miêu tả cho học sinh lớp 4. Tạp chí Giáo chức Việt Nam, số 56, tr 24-27.

[6] Lê Phương Nga (2012). *Tiếng Việt 5 nâng cao*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[7] Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (2013). *Tiếng Việt 3, 4, 5* (tập 1-2). NXB Giáo dục Việt Nam.

Bàn về chuẩn đầu ra...

(Tiếp theo trang 29)

yếu tố đảm bảo cho việc thực hiện đào tạo theo CĐR đạt hiệu quả. CĐR là sự cụ thể hóa mong muốn của đơn vị sử dụng nguồn nhân lực quản lý về năng lực làm việc của SV sau tốt nghiệp. Năng lực thực hành nghề của SV chỉ có thể được hình thành và rèn luyện trong môi trường thực tiễn. Vì vậy, để SV có thể đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng, các CSĐT cần phối hợp chặt chẽ với cơ sở thực hành trong việc tạo môi trường làm việc cụ thể cho SV tác nghiệp, hình thành năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của CĐR.

4. Kết luận

Hoạt động đào tạo ngành QLGD trình độ đại học chỉ có tính bền vững và mang lại ý nghĩa xã hội cao trong việc đào tạo nguồn nhân lực quản lý cho hệ thống giáo dục quốc dân khi các CSĐT xác định đúng CĐR của ngành học đáp ứng yêu cầu việc làm trong bối cảnh mới. Để hoạt động đào tạo đạt hiệu quả mong muốn, nhà trường cần tạo ra sự đồng thuận và quyết tâm trong toàn hệ thống, đồng thời thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý ngành học phù hợp với tinh thần đổi mới giáo dục đại học theo hướng “thực học, thực dụng” hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013). *Văn kiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng.
- [2] Bộ GD-ĐT (2013). *Tài liệu tập huấn Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam, 8/2013*.
- [3] Nguyễn Quang Việt (2017). *Chuẩn đầu ra giáo dục nghề nghiệp - Khung khái niệm và quy trình xây dựng*. Tạp chí Khoa học Dạy nghề, (40+41), tháng 1.
- [4] Đoàn Thị Minh Trinh - Nguyễn Hội Nghĩa (2014). *Hướng dẫn thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [5] Bùi Minh Hiền (chủ biên) (2006). *Quản lý giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Nguyễn Thị Yến Phương - Hứa Hoàng Anh (2014). *Đào tạo chuyên viên hành chính giáo dục trong chương trình cử nhân chính quy chuyên ngành Quản lý giáo dục tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Kỷ yếu hội thảo. NXB Đại học Sư phạm.